

Ngày thi: 26/03/2013

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					5	10	20	10					55	100			
1	162146663	Huỳnh Thị Ly	Ly	K16NAD1	9	8.1	8.5	8.1					6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
2	162614987	Lê Thị Mơ	Mơ	K16NAD1	10	8.1	7.8	8.1					5.7	6.8	Sáu phẩy Tám		
3	162625020	Nguyễn Văn Tiến	Đạt	K16NAD1	10	8.3	8.4	8.3					6.7	7.5	Bảy phẩy Năm		
4	162625022	Nguyễn Minh	Đức	K16NAD1	8.5	8.9	6.3	8.9					6.4	7.0	Bảy		
5	162625023	Phan Thị Lan	Dung	K16NAD1	10	8.1	7.7	8.1					8	8.1	Tám phẩy Một		
6	162625024	Phùng Thị Linh	Giang	K16NAD1	10	8.7	9.1	8.7					7	7.9	Bảy phẩy Chín		
7	162625025	Nguyễn Thị Hằng	Hằng	K16NAD1	10	8.1	7.8	8.1					7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu		
8	162625026	Nguyễn Trọng	Hiển	K16NAD1	9	8.3	6.7	8.3					5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
9	162625027	Phạm Thị Ánh	Hồng	K16NAD1	0	0	0	0					0	0.0	Không		
10	162625028	Trần Thị	Khuyên	K16NAD1	10	8.9	7.1	8.9					8.2	8.2	Tám phẩy Hai		
11	162625030	Lương Thị	Lệ	K16NAD1	10	8.6	9.3	8.6					9.4	9.3	Chín phẩy Ba		
12	162625031	Chê Thị Tú	Linh	K16NAD1	9.5	8.1	7	8.1					7.3	7.5	Bảy phẩy Năm		
13	162625033	Đào Duy	Linh	K16NAD1	8.5	8.7	7.6	8.7					5.2	6.5	Sáu phẩy Năm		
14	162625035	Nguyễn Thị	Lý	K16NAD1	10	8.1	6.5	8.1					5.6	6.5	Sáu phẩy Năm		
15	162625037	Nguyễn Thị Kim	Minh	K16NAD1	10	8.6	8.4	8.6					6.7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
16	162625040	Lê Thị Bích	Ngọc	K16NAD1	8.5	8	8	7.8					6.3	7.1	Bảy phẩy Một		
17	162627066	Hồ Thị Trâm	Anh	K16NAD1	1	0	3.9	0					5.4	3.8	Ba phẩy Tám		
18	162627119	Phan Thanh	Hải	K16NAD1	2	8.6	3.8	8.6					5.8	5.8	Năm phẩy Tám		
19	162627206	Hoàng Thị Anh	Đào	K16NAD1	9	8.3	8.1	8.3					4.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
20	162627441	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	K16NAD1	10	8.6	8	8.6					6.2	7.2	Bảy phẩy Hai		
21	162627507	Phùng Thị	Hạnh	K16NAD1	8.5	8.9	8	8.9					5.2	6.7	Sáu phẩy Bảy		
22	152625786	Lại Thị Kim	Thoa	K16NAD2	9.5	9	9.2	8.1					8.1	8.5	Tám phẩy Năm		
23	162616964	Đặng Xuân	Thảo	K16NAD2	8.5	8	8.5	7.8					6	7.0	Bảy		
24	162625041	Huỳnh Thị Uyên	Nhi	K16NAD2	9	8.5	8	8.2					6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
25	162625045	Nguyễn Bá	Phước	K16NAD2	7	8.5	8.6	8.5					6.3	7.2	Bảy phẩy Hai		
26	162625046	Lê Quang Thảo	Phương	K16NAD2	10	9	9	8.7					6.3	7.5	Bảy phẩy Năm		
27	162625047	Nguyễn Thị Uyên	Phương	K16NAD2	10	9	8.7	8.7					8.8	8.9	Tám phẩy Chín		
28	162625048	Nguyễn Thị Quỳnh	Phương	K16NAD2	10	8.5	8.8	8.2					7.3	7.9	Bảy phẩy Chín		
29	162625049	Võ Thị Kim	Phượng	K16NAD2	10	8.5	8.3	8.2					7.4	7.9	Bảy phẩy Chín		
30	162625050	Nguyễn Lương Thuý	Quỳnh	K16NAD2	10	8.8	9	8.1					8	8.4	Tám phẩy Bốn		
31	162625052	Dư Thị Bích	Thảo	K16NAD2	10	8.5	9.8	8.1					8.9	9.0	Chín		
32	162625053	Trần Thị Thuý	Trâm	K16NAD2	9	8.5	9.8	8.2					8.1	8.5	Tám phẩy Năm		
33	162625054	Ngô Thị Bích	Trâm	K16NAD2	10	8.8	9.3	8.5					8.1	8.5	Tám phẩy Năm		
34	162625056	Đỗ Thị Thùy	Trang	K16NAD2	9.5	9	9.2	8.7					7.6	8.3	Tám phẩy Ba		
35	162625057	Nguyễn Tiểu	Trúc	K16NAD2	10	9	8.6	8					8.8	8.8	Tám phẩy Tám		
36	162625058	Nguyễn Đình	Trung	K16NAD2	8	8	8.8	7.8					7.8	8.0	Tám		
37	162625059	Hồ Thị Cẩm	Tú	K16NAD2	8	8	9.3	7.8					6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
38	162625060	Phạm Thanh	Tùng	K16NAD2	8	8.9	8.5	8.7					6.7	7.5	Bảy phẩy Năm		
39	162625061	Trần Vi	Vi	K16NAD2	9.5	9	9.6	8					7.8	8.4	Tám phẩy Bốn		
40	162625062	Phạm Thị Tường	Vi	K16NAD2	9	8.2	1	7.8					7	6.1	Sáu phẩy Một		
41	162625063	Trình Duy	Vinh	K16NAD2	8	8.5	8	8					7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu		
42	162626559	Lê Nho	Việt	K16NAD2	9.5	9	9.1	8					7.7	8.2	Tám phẩy Hai		
43	162626966	Nguyễn Thị Tuyết	Nhân	K16NAD2	10	8.5	9.4	8.1					8.3	8.6	Tám phẩy Sáu		
44	162627120	Lê Thị Bích	Thuý	K16NAD2	9.8	9.5	9.2	8.5					8	8.5	Tám phẩy Năm		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K16NAD										HỌC KỲ		6	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				MÔN HỌC:	NGŨ ÂM - ÂM VỊ HỌC										TÍN CHỈ	1	
MÃ MÔN:				ENG319										LẦN THI	1		
Ngày thi:		26/03/2013															
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					5	10	20	10					55	100			
45	162627286	Phạm Thị Phương	Trình	K16NAD2	10	9.5	9.2	8.5					8	8.5	Tám phẩy Năm		
46	162627326	Lê Thị Hoàng	Ni	K16NAD2	8.5	8	8.5	7.8					7.1	7.6	Bảy phẩy Sáu		
47	162627589	Lê Diệu Tổ	Tâm	K16NAD2	9.5	8.5	8.7	7.8					7.5	8.0	Tám		
48	152624419	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	K15NAD1	7	8.5	7.9	8.5					6.6	7.3	Bảy phẩy Ba	42554DT	
49	152624418	Phạm Thị Thanh	Thảo	K15NAD2	7	8.5	8	8.5					5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	41902DT	
50	152624451	Trần Thị Minh	Thư	K15NAD2	7.5	8.5	8	8.5					6.8	7.4	Bảy phẩy Bốn	41903DT	
51	152624432	Trần Thị Hồng	Thi	K15NAD2	7	8.5	4	8.5					6.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	42224DT	

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THÔNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	49	25%	
2	Số sinh viên nợ	150	75%	
TỔNG CỘNG :		199	100%	

LẬP BẢNG		KIỂM TRA		LÃNH ĐẠO KHOA		ĐÀ NẴNG, ngày 09 tháng 04 năm 2013	
		(ký và ghi rõ họ tên)		(ký và ghi rõ họ tên)		PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH	
						(ký và ghi rõ họ tên)	
Trần Trung Mai						ThS. Nguyễn Hữu Phú	

1
2
3
4

5